

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

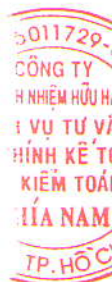


Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0302181666 ngày 26/09/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuốc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 3 công ty.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 3 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

Công ty liên kết được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu,
phường 6, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

- + Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- + Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 39,57%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên.

- + Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên
- + Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 29.581.320.260 VND. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.893.174.860 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 67.130.130.796 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 60.996.922.080 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 56.932.794.018 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên
Ông :	Đặng Vũ Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Thành viên
Bà:	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Võ Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Đình Quang Minh	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Cơ sở của Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) và các Công ty con được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ với 03 (ba) Công ty con do đó Báo cáo tài chính hợp nhất phải được đọc kèm với báo cáo tài chính riêng của công ty con.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Hùng

Tp.HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2013

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Hùng

Số: 222/2013/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2012**của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)*

Kính gửi: - Các cổ đông Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh được lập ngày 20/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 8 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế của phạm vi kiểm toán

Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh không thực hiện hợp nhất với Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên (công ty liên kết) do Công ty Gilimex chỉ nắm giữ với mục đích đầu tư, không có bất cứ sự kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể nào đối với các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này.

Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 63,83% trong Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,2%, nhưng Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ không có đại diện trong Hội đồng quản trị, không tham gia điều hành, hoạch định chính sách của Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế. Do đó, Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế không được ghi nhận là công ty con trên báo cáo tài chính riêng của Công Ty GPPJ và báo cáo hợp nhất của Công Ty GILIMEX.

Tại thời điểm kiểm toán, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ của khoản mục: đầu tư dài hạn khác có giá trị là 4.741.578.152 đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề trên và các ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số: Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		621.094.496.911	598.694.155.945
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	202.754.163.890	266.592.259.482
1. Tiền	111		9.365.214.576	20.554.844.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		193.388.949.314	246.037.415.359
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	11.286.851.713	42.693.506.341
1. Đầu tư ngắn hạn	121		24.081.646.576	42.693.506.341
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(12.794.794.863)	-
III. Các khoản phải thu	130		95.554.343.384	134.557.142.272
1. Phải thu khách hàng	131		52.913.421.010	89.800.446.221
2. Trả trước cho người bán	132		26.915.439.502	26.491.957.163
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	16.003.128.040	20.639.840.388
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(277.645.168)	(2.375.101.500)
IV. Hàng tồn kho	140	4	286.869.167.948	137.646.905.048
1. Hàng tồn kho	141		286.869.167.948	137.646.905.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.629.969.976	17.204.342.802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		884.829.359	6.232.453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.683.348.039	12.673.373.465
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	129.525	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	1.061.663.053	4.524.736.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		267.810.073.791	163.363.126.201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		204.882.224.335	127.861.221.789
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	144.795.574.694	94.268.322.969
- Nguyên giá	222		195.331.056.050	125.443.173.590
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(50.535.481.356)	(31.174.850.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	14.743.890.974	4.072.913.445
- Nguyên giá	228		14.926.658.464	4.072.913.445
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(182.767.490)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	45.342.758.667	29.519.985.375
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	24.878.753.979	13.917.139.595
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.1	14.857.175.827	9.195.561.443
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10.2	10.021.578.152	4.721.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.049.095.477	21.584.764.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	37.453.902.609	21.093.988.070
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	572.442.868	490.776.747
3. Tài sản dài hạn khác	268		22.750.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		888.904.570.703	762.057.282.146



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		554.268.185.961	431.891.701.699
I. Nợ ngắn hạn	310		515.188.583.034	420.896.978.270
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	426.311.699.955	314.960.070.407
2. Phải trả người bán	312		43.046.381.976	61.092.754.425
3. Người mua trả tiền trước	313		608.132.960	1.332.444.395
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	11.638.262.666	9.000.965.634
5. Phải trả công nhân viên	315		18.770.569.099	29.338.307.770
6. Chi phí phải trả	316	15	7.539.067.098	664.945.539
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	7.228.622.468	4.461.643.287
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	19.5	45.846.813	45.846.813
II. Nợ dài hạn	330		39.079.602.927	10.994.723.429
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6.110.412.984	8.129.355.164
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	30.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	1.478.068.868	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.228.881.414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	1.491.121.075	1.636.486.851
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	19	306.260.826.866	330.165.580.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		306.260.826.866	330.165.580.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.245.880.000	127.745.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		171.657.714.793	158.751.430.047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(93.233.198.607)	(30.120.215.254)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(10.737.816.963)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.483.599.600	22.483.599.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.109.909.000	5.109.909.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		60.996.922.080	56.932.794.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		28.375.557.875	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		888.904.570.703	762.057.282.146

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		135.748,21	942.875,00
- EUR		4,87	4,97
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

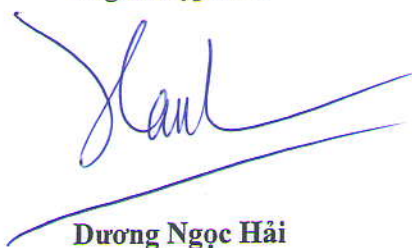
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	994.275.400.196	726.235.622.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		994.275.400.196	726.235.622.771
4. Giá vốn hàng bán	21	839.972.783.480	592.536.317.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.302.616.716	133.699.305.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	32.432.391.121	48.086.617.509
7. Chi phí tài chính	22	48.482.694.473	20.397.765.093
+ Trong đó: chi phí lãi vay		26.810.965.556	12.210.385.457
8. Chi phí bán hàng		21.491.191.860	12.503.301.361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		82.052.172.431	60.088.536.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.708.949.073	88.796.319.802
11. Thu nhập khác	20.3	14.032.104.112	1.896.862.065
12. Chi phí khác	23	1.603.282.165	816.186.997
13. Lợi nhuận khác		12.428.821.947	1.080.675.008
14. Phần lỗ trong công ty liên kết		(734.789.673)	(2.804.438.557)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.402.981.348	87.072.556.253
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	15.916.035.087	20.433.202.204
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	905.626.001	(490.776.747)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.581.320.260	67.130.130.796
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(6.311.854.600)	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		35.893.174.860	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	3.277	5.825

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc


Lê Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		46.402.981.348	87.072.556.253
2. Điều chỉnh cho các khoản		33.924.484.544	(7.923.519.435)
- Khấu hao tài sản cố định		19.731.643.461	7.566.515.048
- Các khoản dự phòng		10.697.338.531	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		323.002.940	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.638.465.944)	(27.688.852.416)
- Chi phí lãi vay		26.810.965.556	12.198.817.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		80.327.465.892	79.149.036.818
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		9.675.297.291	(69.097.233.473)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(140.786.251.997)	(73.960.564.278)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(25.796.214.500)	245.166.935.487
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.071.160.845)	3.086.071.868
- Tiền lãi vay đã trả		(23.758.499.206)	(12.198.817.933)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.513.732.136)	(18.291.051.585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.590.905.056	10.026.217.169
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(26.913.855.097)	(42.966.100.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(137.246.045.542)	120.914.493.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(53.828.421.193)	(21.357.671.351)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.625.053.531	806.289.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(408.110.482.044)	(1.811.509.398.622)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		443.500.000.000	1.810.936.278.952
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(41.805.663.000)	(12.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chia		20.000.000	-
		29.315.516.755	55.285.027.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.283.995.951)	22.160.526.505

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		11.500.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.120.215.254)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.019.459.608.566	670.230.073.269
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(904.432.151.836)	(476.851.617.536)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.701.994.500)	(61.887.010.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		101.825.462.230	101.371.230.076
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(63.704.579.263)	244.446.249.863
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		266.592.259.482	32.883.826.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(133.516.329)	(10.737.816.963)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		202.754.163.890	266.592.259.482

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và thay đổi lần thứ mười bốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 ngày 26/09/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 3 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 3 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:**- Công Ty TNHH May Thanh Mỹ**

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

Công ty liên kết được hợp nhất:**- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế**

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2012*

- + Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- + Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 39,72%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên.

- + Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên
- + Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**2.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng**3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

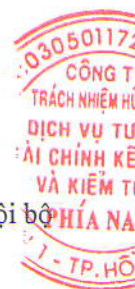
Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2012***3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2012*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3.14. Công cụ tài chính***3.14.1. Tài sản tài chính***

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2012*

- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

PHỤ LỤC
TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	4.572.629.888	132.903.851
Tiền gửi ngân hàng	4.881.534.002	22.959.355.631
Tiền gửi VND	1.941.555.273	3.321.028.014
Tiền gửi ngoại tệ	2.939.978.729	19.638.327.617
Các khoản tương đương tiền	193.300.000.000	243.500.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	10.200.000.000	35.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	167.100.000.000	187.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Gia Định	16.000.000.000	21.000.000.000

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

Tổng cộng

202.754.163.890

266.592.259.482

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		23.423.646.576		42.693.506.341
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)	-	-	-	-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)	-	23.423.646.576	-	42.693.506.341
Trong đó:				
Cty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An (TAH)	50.000	2.250.000.000	50.000	2.250.000.000
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (LAF)	123.670	15.656.370.136	672.910	9.942.885.900
Công Ty CP KVG N Ngoại Thương TP.HCM	-	-	10.000	206.309.000
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh - GILIMEX	-	-	1.233.050	30.294.311.441
Công Ty CP XNK và ĐT Thừa Thiên Huế	51.900	585.172.500	-	-
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)	136.950	4.931.813.940	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	132	290.000	-	-
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		658.000.000	-	-
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)		-	-	-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		(12.794.794.863)		-
Trong đó:				
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An		(11.327.815.923)		-
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)		(1.466.978.940)		-
Tổng cộng		11.286.851.713		42.693.506.341

Ghi chú:

Sự thay đổi số dư của khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là do Công ty thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán trong năm 2012. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không có cơ sở giá giao dịch do các công ty chứng khoán công bố cho cổ phiếu Cty CP BV Đa khoa Tư nhân Triều An để trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	16.003.128.040	20.639.840.388
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	16.003.128.040	20.639.840.388

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2012 là:

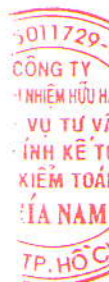
Công Ty UNIMEX	9.139.656.000
Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	81.335.331
Lãi tiền gửi tiết kiệm	536.594.444
Chi cục Hải Quan Quản lý hàng gia công	585.921.868
Thuế GTGT hàng nhập chờ kê khai	289.795.301
Công Ty TNHH XD Việt Build	5.000.000.000
Phải thu khác	369.825.096
Tổng cộng	16.003.128.040

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	102.024.875.837	78.823.324.630
- Công cụ, dụng cụ	5.378.762.874	1.472.696.168
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.092.157.659	28.879.389.507
- Thành phẩm	140.314.905.073	26.191.584.244
- Hàng hoá	-	2.221.443.994
- Hàng gửi đi bán	58.466.505	58.466.505
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	286.869.167.948	137.646.905.048

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	129.525	-
+ Thuế TNDN nộp thừa	-	-
+ Thuế xuất, nhập khẩu	129.525	-
Tổng cộng	129.525	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2012*

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	11.582.379	3.143.835.879
- Tạm ứng	725.307.164	1.293.474.234
- Ký quỹ, ký cược	324.773.510	87.426.771
<i>Tổng cộng</i>	<i>1.061.663.053</i>	<i>4.524.736.884</i>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	84.659.264.149	28.059.798.273	10.200.593.243	2.523.517.925	-	125.443.173.590
2. Số tăng trong năm	28.559.976.551	50.801.295.889	754.367.247	1.218.179.627	92.522.092	81.426.341.406
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	-	26.103.589.887	269.641.157	681.120.052	52.284.003	27.106.635.099
- Đầu tư XDCN hoàn thành	1.819.996.581	-	-	-	-	1.819.996.581
- Tăng khác	26.739.979.970	24.697.706.002	484.726.090	537.059.575	40.238.089	52.499.709.726
3. Số giảm trong năm	1.970.432.500	9.211.403.949	333.086.133	23.536.364	-	11.538.458.946
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.211.403.949	333.086.133	23.536.364	-	9.568.026.446
- Giảm khác	1.970.432.500	-	-	-	-	1.970.432.500
4. Số dư cuối năm	111.248.808.200	69.649.690.213	10.621.874.357	3.718.161.188	92.522.092	195.331.056.050
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	17.112.883.288	9.751.339.255	2.901.716.008	1.408.912.070	-	31.174.850.621
2. Khấu hao trong năm	8.636.528.411	12.193.141.768	1.602.699.132	644.533.516	24.480.904	23.101.383.731
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	7.560.907.052	9.816.322.592	1.568.789.861	586.609.454	19.747.012	19.552.375.971
- Tăng khác	1.075.621.359	2.376.819.176	33.909.271	57.924.062	4.733.892	3.549.007.760
3. Giảm trong năm	1.970.432.500	1.490.920.827	278.766.121	633.548	-	3.740.752.996
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.490.920.827	278.766.121	633.548	-	1.770.320.496
- Giảm khác	1.970.432.500	-	-	-	-	1.970.432.500
4. Số dư cuối năm	23.778.979.199	20.453.560.196	4.225.649.019	2.052.812.038	24.480.904	50.535.481.356
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	67.546.380.861	18.308.459.018	7.298.877.235	1.114.605.855	-	94.268.322.969
2. Tại ngày cuối năm	87.469.829.001	49.196.130.017	6.396.225.338	1.665.349.150	68.041.188	144.795.574.694

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí XDCB dở dang	45.342.758.667	29.519.985.375
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	225.886.436	225.886.436
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	1.009.988.310	950.739.000
+ Công trình Phú Mỹ	26.343.359.939	28.343.359.939
+ Công trình Xưởng 1	14.626.739.742	-
+ Công trình nhà máy Quảng Trị	3.136.784.240	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	45.342.758.667	29.519.985.375

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**10.1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (tỷ lệ góp vốn 23,53%)	-	-	-	9.195.561.443
CTy CP Kỹ Nghệ Tp.Phú Yên (tỷ lệ sở hữu 21%)	342.350	3.423.500.000	-	-
Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế (tỷ lệ sở hữu chéo là 39,57 %)	427.076	11.433.675.827	-	-
Tổng cộng		14.857.175.827		9.195.561.443

Ghi chú:

Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 63,83% trong Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,2%, nhưng Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ không có đại diện trong Hội đồng quản trị, không tham gia điều hành, hoạch định chính sách của Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế. Do đó, Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế không được ghi nhận là công ty con trên báo cáo tài chính riêng của Công Ty GPPJ và báo cáo hợp nhất của Công Ty GILIMEX.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

10.2. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	VND		VND	
	<i>Số lượng</i>	<i>Trị giá</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Trị giá</i>
1. Đầu tư cổ phiếu	330.000	5.280.000.000	-	-
Trong đó:				
+ Công Ty Cp Dệt 29/3	330.000	5.280.000.000	-	-
2. Đầu tư trái phiếu		-		-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-		-
4. Cho vay dài hạn		-		-
5. Đầu tư dài hạn khác		4.741.578.152		4.721.578.152
Trong đó:				
- DA Phường 28, quận B.Thạnh, TP HCM		4.721.578.152		4.721.578.152
- Công ty chứng khoán		20.000.000		-
Tổng cộng		10.021.578.152		4.721.578.152

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Chi phí trả trước về đất dài hạn	13.436.237.424	-
- Lợi thế thương mại	12.563.312.168	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai	3.567.735.735	15.511.399.723
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	6.601.629.664	3.849.693.813
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	1.284.987.618	1.732.894.534
Tổng cộng	37.453.902.609	21.093.988.070

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	572.442.868	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tổng cộng	572.442.868	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

13.1. Vay ngắn hạn

- Vay ngân hàng

Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định

Ngân hàng HSBC

Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn

Ngân hàng ANZ

- Vay đối tượng khác

13.2. Nợ dài hạn đến hạn trả

Tổng cộng

Ghi chú:

Các khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

14.1. Thuế phải nộp nhà nước

- Thuế GTGT

- Thuế TTĐB

- Thuế xuất, nhập khẩu

- Thuế TNDN

- Thuế tài nguyên

- Thuế nhà đất

- Tiền thuê đất

- Các loại thuế khác

+ Thuế thu nhập cá nhân

+ Các loại thuế khác

14.2. Các khoản phải nộp khác

- Các khoản phí, lệ phí

- Các khoản phải nộp khác

Tổng cộng

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Lãi vay phải trả

- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

- Chi phí khác

Tổng cộng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
13.1. Vay ngắn hạn	426.311.699.955	314.960.070.407
- Vay ngân hàng	426.311.699.955	314.960.070.407
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	140.773.336.964	66.046.134.943
Ngân hàng HSBC	33.728.781.964	66.465.952.859
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn	241.735.180.317	150.795.773.271
Ngân hàng ANZ	10.074.400.710	31.652.209.334
- Vay đối tượng khác	-	-
13.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	426.311.699.955	314.960.070.407
Ghi chú:		
Các khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp		
14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
14.1. Thuế phải nộp nhà nước	11.638.262.666	9.000.965.634
- Thuế GTGT	105.684.912	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	11.355.669.922	8.820.986.732
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	176.907.831	179.978.902
+ Thuế thu nhập cá nhân	172.720.546	175.791.617
+ Các loại thuế khác	4.187.285	4.187.285
14.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	11.638.262.666	9.000.965.634
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Lãi vay phải trả	1.260.865.198	664.945.539
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.238.201.900	-
- Chi phí khác	40.000.000	-
Tổng cộng	7.539.067.098	664.945.539

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	899.613.523	899.613.523
- BHYT, BHXH, BHTN	2.087.110.090	622.040.945
- KPCĐ	374.466.094	867.561.847
- Doanh thu chưa thực hiện (cho thuê văn phòng)	1.491.121.075	1.636.486.851
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.867.432.761	2.072.426.972
Tổng cộng	8.719.743.543	6.098.130.138

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 là:

+ Chi phí đồng phục nhân viên	1.454.000.000
+ Thuế NK nguyên phụ liệu	154.301.000
+ Ngân hàng HSBC	3.283.073
+ Phần vốn phải trả cho Nhà nước	67.285.442
+ Trợ cấp thôi việc	30.675.488
+ Công Ty CP Phong Phú	330.910.952
+ Tiền thuê đất khu công nghiệp - Chi nhánh Đà Nẵng	550.084.000
+ Các đối tượng khác	1.276.892.806
Tổng cộng	3.867.432.761

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
17.1. Vay dài hạn	30.000.000.000	-
- Vay ngân hàng (Ngân Hàng TMCP Quân Đội)	30.000.000.000	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
17.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	30.000.000.000	-

18. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.478.068.868	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tổng cộng	1.478.068.868	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	127.745.880.000	158.751.430.047	(30.120.215.254)	22.483.599.600	5.109.909.000	56.932.794.018
- Tăng trong năm	11.500.000.000	13.156.284.746	93.233.198.607	-	-	40.204.120.147
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	11.500.000.000	13.156.284.746	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	29.581.320.260
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do mua cổ phiếu quỹ)	-	-	93.233.198.607	-	-	10.622.799.887
- Giảm trong năm	-	250.000.000	30.120.215.254	-	-	36.139.992.084
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCB	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	24.071.994.500
- Cổ phiếu quỹ	-	-	30.120.215.254	-	-	-
- Giảm khác	-	250.000.000	-	-	-	12.067.997.584
- Số dư cuối năm	139.245.880.000	171.657.714.793	(93.233.198.607)	22.483.599.600	5.109.909.000	60.996.922.080

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.493.062.500	2,73%	3.493.060.000	2,73%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	135.752.817.500	97,27%	124.252.820.000	97,27%
Tổng cộng	139.245.880.000	100%	127.745.880.000	100%

* Thặng dư vốn cổ phần

* Cổ phiếu ngân quỹ

171.657.714.793

(93.233.198.607)

2.971.990 cổ phiếu

158.751.430.047

(30.120.215.254)

1.250.000 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.245.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp đầu năm	127.745.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	11.500.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	139.245.880.000	127.745.880.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	24.071.994.500	56.964.370.404

19.4. Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.924.588	12.774.588
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.924.588	12.774.588
+ Cổ phiếu thường	13.924.588	12.774.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	2.971.990	1.250.000
+ Cổ phiếu thường	2.971.990	1.250.000
Trong đó:		
Gilimex mua	15.000	-
Công ty con mua	2.956.990	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.952.598	11.524.588
+ Cổ phiếu thường	10.952.598	11.524.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	22.483.599.600	22.483.599.600
- Quỹ dự phòng tài chính	5.109.909.000	5.109.909.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.846.813	45.846.813

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

19.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

19.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

19.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

19.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
20.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	994.275.400.196	726.235.622.771
+ Doanh thu bán hàng	931.824.168.291	697.252.863.323
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.451.231.905	28.982.759.448
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	994.275.400.196	726.235.622.771
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	931.824.168.291	697.252.863.323
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	62.451.231.905	28.982.759.448
20.2. Doanh thu hoạt động tài chính	32.432.391.121	48.086.617.509
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.783.751.055	35.033.642.169
- Lãi bán chứng khoán	6.737.775.683	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.107.144.125	76.501.600
- Hoa hồng ủy thác	266.762.832	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.398.917.425	12.976.473.740
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	138.040.001	-
20.3. Thu nhập khác	14.032.104.112	1.896.862.005
- Thu nhập từ vận chuyển	216.683.151	439.400.000
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.080.290.909	728.509.091
- Công nợ không ai đòi	10.604.063.157	-
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	2.131.066.895	728.952.914

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	830.343.165.073	592.536.317.129
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.629.618.407	-
Tổng cộng	839.972.783.480	592.536.317.129

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí dự phòng chứng khoán	12.794.794.863	-
- Chi phí lãi vay	26.810.965.556	12.210.385.457

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

		Đơn vị tính: VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.670.564.901	8.020.611.187
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	461.042.941	-
- Chi phí tài chính khác	5.745.326.212	166.768.449
Tổng cộng	48.482.694.473	20.397.765.093

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí mua xe	-	186.782.800
- Thanh lý hàng tồn lâu ngày	209.131.965	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	664.515.054	63.599.568
- Chi phí phân bổ	-	394.302.593
- Chi phí khác	729.635.146	171.502.036
Tổng cộng	1.603.282.165	816.186.997

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.916.035.087	20.433.202.204
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	15.916.035.087	20.433.202.204

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	905.626.001	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	905.626.001	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	684.821.828.667	491.969.389.145
2. Chi phí nhân công	200.390.313.405	120.843.294.903
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	21.903.499.071	8.213.363.462
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.811.641.530	4.878.152.702
5. Chi phí khác bằng tiền	53.986.654.747	50.400.599.270
Tổng cộng	996.913.937.420	676.304.799.482

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.893.174.860	67.130.130.796
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	35.893.174.860	67.130.130.796
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.952.598	11.524.588
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.277	5.825

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thưởng của các thành viên BGD	4.341.600.000	4.341.600.000
Lương và thưởng của các thành viên HĐQT	528.000.000	398.000.000

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

3. Tài sản và nợ phải tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày khoản mục này.

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả cho người bán	43.046.381.976	-	-	43.046.381.976
Người mua trả tiền trước	608.132.960	-	-	608.132.960
Vay và nợ	426.311.699.955	-	-	426.311.699.955
Phải trả người lao động	18.770.569.099	-	-	18.770.569.099
Chi phí phải trả	7.539.067.098	-	-	7.539.067.098
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.228.622.468	-	-	7.228.622.468
Cộng	503.504.473.556	-	-	503.504.473.556

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

h. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

i. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

j. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá", do đó tỷ giá Công ty sử dụng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng được Ngân Hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm cuối năm tài chính 2011 và cuối năm tài chính 2012, tỷ giá bình quân liên ngân hàng không thay đổi nên Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

k. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng